

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm; Chuyên ngành: Hóa lí thuyết và hóa lí

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Quốc Dũng

2. Ngày tháng năm sinh: 17/07/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Bồ Đề - huyện Bình Lục – tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ 303 – A7 – TBCO3 – tổ 8, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Căn hộ 303 – A7 – TBCO3 – tổ 8, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913989269; E-mail: dungnq@tnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 06/2007 đến tháng 8/0215: Giảng viên, trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam

Từ tháng 09/2015 đến nay: Giảng viên, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Chức vụ: Hiện nay: Trợ lý công tác sinh viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Hóa – Sinh (trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam).

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hóa học - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Số 20, Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, TP. Thái Nguyên

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Điện thoại cơ quan: 02083 851013

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Trung tâm Đào tạo liên thông Đại học ngành dược – Trường Đại học Đại Nam
- Khoa Quốc tế - Đại học Thái Nguyên

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Quốc tế - Đại học Thái Nguyên

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: 055954; ngành: Hóa học, Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 9 tháng 5 năm 2007; số văn bằng: 002797; ngành: Khoa học vật liệu; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Đào tạo quốc tế về Khoa học vật liệu (ITIMS), Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 8 năm 2013; số văn bằng: CNU2012(D)-249; ngành: Khoa học vật liệu; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng .. năm..., ngành: không

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1. Cảm biến

Hướng nghiên cứu 2. Vật liệu từ và ứng dụng

Hướng nghiên cứu 3. Vật liệu trong nghiên cứu hấp phụ và quang xúc tác

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài cấp nhà nước (NAFOSTED), 01 đề tài cấp cơ sở Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;
- Đã công bố (số lượng) 49 bài báo khoa học, trong đó 35 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus);
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Bộ giáo dục và Đào tạo năm 2020 (Quyết định số: 3448/QĐ-BGDĐT)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ tháng 9 năm 2015 đến nay, tôi là giảng viên tại Khoa Hóa học, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên với nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác được Khoa và Nhà trường phân công.

Về hoạt động đào tạo: Giảng dạy các môn thuộc bậc đại học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, học viên cao học làm luận văn thạc sĩ. Tham gia xây dựng đề cương môn học, các hoạt động chuyên môn của Khoa và Nhà trường

- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy: Trong từng năm học tôi đều hoàn thành tốt khối lượng giảng dạy theo quy định của giảng viên đại học.

- Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: Trong từng năm học tôi đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (từ ngày 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020) và Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (từ ngày 11/9/2020).

- Năng lực giảng dạy: có năng lực giảng dạy, kiến thức chuyên môn tốt, thân thiện và nhiệt tình với người học và có tinh thần giúp đỡ nhận sự giúp đỡ từ đồng nghiệp;

- Ý kiến phản hồi của người học trong 3 năm gần nhất: Người học đều có phản hồi tích cực, đánh giá cao tác phong và kiến thức chuyên môn;

- Phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng KHCN: Có nhiều đóng góp cho phát triển các chương trình đào tạo của nhà trường và của khoa.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học:

Đã chủ trì hoàn thành 02 đề tài các cấp trong đó có 01 đề tài cấp Cơ sở và 01 đề tài Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) và các đề tài nghiên cứu khác với vai trò là thư ký và thành viên nghiên cứu chính. Tôi tích cực tham gia các hội thảo trong nước và Quốc tế để tăng cường sự giao lưu học thuật, hợp tác đề hỏi và cập nhật các kiến thức khoa học mới.

Ngoài các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học, tôi cũng nhiệt tình tham gia các hoạt động cộng đồng, thực hiện các nhiệm vụ cộng đồng như phản biện tạp chí, các hội đồng khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	0	0	0	0	230	0	230/291.2/270
2	2016-2017	0	0	1	0	470	0	470/535.2/229.5
3	2017-2018	0	0	2	2	243	0	241/450.7/229.5
03 năm học cuối								
5	2020-2021	0	0	01	01	381	0	381/499.5/229.5
6	2021-2022	0	0	0	0	516	0	561/638.4/172.1 (**)
7	2022-2023	0	0	01	0	222	0	222/254.8/200.8 (**)

(**) – Được cử đi học Trung cấp lý luận chính trị theo quyết định số 29-QĐ/BTV ngày 21/5/2021, được giảm trừ 57,4 tiết năm 2021-2022 (thời gian học 1 năm) và 28.7 tiết năm 2022-2023 (thời gian học 6 tháng).

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Hàn Quốc năm 2009-2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Quốc tế - Đại học Thái Nguyên

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Tiên		HVCH	X		12/2015-9/2016	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ 24/3/2017
2	Nguyễn Hồng Nhung		HVCH	X		7/2016-9/2017	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Cấp bằng ngày 15/12/2017
3	Đỗ Ngọc Ánh		HVCH	X		7/2017-4/2018	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ 28/8/2018
4	Hà Vân Anh		HVCH	X		6/2018-6/2019	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Cấp bằng ngày 28/8/2019
5	Nguyễn Hải Yên		HVCH	X		6/2018-6/2019	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Cấp bằng ngày 28/8/2019
6	Vilaykone Phakaxoum		HVCH	X		6/2019-9/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 30/9/2020
7	Nguyễn Thị Thu Thảo		HVCH	X		6/2019-9/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 30/9/2020
8	Serth Sedthiphonh		HVCH	X		10/2020-12/2021	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Công nhận tốt nghiệp ngày 15/3/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Thực hành hóa lí	GT	Đại học Thái Nguyên, 2022	2	X	Bài 1 (trang 1-15); bài 3 (trang 22-	Số 429/QĐ-ĐHSP ngày 28/2/2023

						26); bài 4 (trang 27-33); bài 9 (trang 57-63); bài 10 (trang 64-69); bài 11 (70-77); bài 12 (78-84).
--	--	--	--	--	--	--

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: không có

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu chế tạo điện cực CuO/ITO ứng dụng trong cảm biến điện hóa	CN	Mã số CS2016-SP-13, cấp Cơ sở	Tháng 2/2017-12/2017	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN cấp cơ sở năm học 2016-2017, số 3631/QĐ-ĐHSP, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số CS13/TLHĐ ngày 25/12/2017, xếp loại tốt
2	Nghiên cứu chế tạo đồng oxit dạng nanowire và nanotube bằng phương pháp điện hóa và ứng dụng trong cảm biến điện hóa và quang điện hóa để chế tạo hydro từ năng lượng Mặt Trời	CN	Mã số 103.02-2016.63, cấp Nhà nước: Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	Tháng 3/2017 đến 2/2021	Quyết định 259/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 31 tháng 12 năm 2019; Phiếu đánh giá tổng hợp kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong KHTN, họp ngày 12/5/2021, xếp loại Đạt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
 TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Thin film polypyrrole/SWCNTs nanocomposites-based NH ₃ sensor operated at room temperature	5		Sensors and Actuators B / 0925-4005. https://doi.org/10.1016/j.snb.2009.04.061	ISI (3.661, Q1)	108	Vol. 140, pp. 500-507	5/2009
2	Synthesis of p-type semiconducting cupric oxide thin films and their application to hydrogen detection	5		Sensors and Actuators B / 0925-4005. https://doi.org/10.1016/j.snb.2010.02.045	ISI (3.854, Q1)	127	Vol. 146, pp. 239-244	2/2010
3	Enhanced Photoelectrochemical Activity of the TiO ₂ /ITO Nanocomposites Grown onto Single-Walled Carbon Nanotubes at a Low Temperature by Nanocluster Deposition	6		Advanced Materials/ 1521-4095. https://doi.org/10.1002/adma.201103030	ISI (13.877, Q1)	35	Vol. 23, pp. 5557-5562	11/2011
4	An amperometric glucose biosensor based on GOx entrapped TiO ₂ -SWCNT composite	5	X	Sensors and Actuators B/0925-4005. https://doi.org/10.1016/j.snb.2012.01.008	ISI (4.013, Q1)	49	Vol. 166-167, pp. 103-109	1/2012
5	Enzymatic glucose biosensor based on CeO ₂ nanorods synthesized by non-isothermal precipitation	6		Biosensors and Bioelectronics/ 0956-5663. https://doi.org/10.1016/j.bios.2011.10.013	ISI (6.081, Q1)	101	Vol. 31, pp. 176-181	10/2012
6	High performance nonezymatic glucose sensor made of CuO-SWCNT nanocomposites	4	X	Biosensors and Bioelectronics/0956-5663. https://doi.org/10.1016/j.bios.2012.10.044	ISI (6.835, Q1)	139	Vol. 42, pp. 280-286	10/2012

7	Urchin-like nanowire array: a strategy for high-performance ZnO-based electrode utilized in photoelectrochemistry	4		Nanoscale/2040-3372. https://doi.org/10.1039/C3NR00889D	ISI (6.739, Q1)	47	Vol. 5, pp. 5530- 5538	4/2013
8	NiO-decorated single-walled carbon nanotubes for high performance nonenzymatic glucose sensing	5	X	Sensors and Actuators B / 0925-4005. https://doi.org/10.1016/j.snb.2013.04.018	ISI (4.257, Q1)	77	Vol. 183, pp. 381-387	4/2013
II	Sau khi được công nhận TS							
9	Hấp phụ As (III) trong môi trường nước bằng vật liệu hấp phụ bã chè biến tính KOH	4		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/0868-3224			Tập 21, Số 3, tr. 131-140	3/2016
10	Origin of Room Temperature Ferromagnetism in Cr-Doped Lead-Free Ferroelectric Bi _{0.5} Na _{0.5} TiO ₃ Materials	8		Journal of Electronic Materials/ 1543-186X. https://doi.org/10.1007/s11664-016-5248-0	ISI (1.654, Q2)	22	Vol. 46, 3367– 3372	2/2017
11	Phương pháp quét thể vòng xác định nồng độ Glucose dựa trên điện cực CuO/ITO	4	X	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/0868-3224			Tập 22, Số 3, tr.98- 105	3/2017
12	Kỹ thuật Chronoamperometry trong cảm biến glucose dựa trên điện cực CuO/ITO	3	X	Tạp chí Hóa học/0866-7144.			Số 3E12- 2018, tr. 15-20	7/2018
13	Hấp phụ Cd(II) trong môi trường nước bằng vật liệu hấp phụ bã chè biến tính KOH	5		Tạp chí Hóa học/0866-7144			Tập 55, số 5E12, pp 54- 58	10/2017
14	Tunable magnetic properties of Bi _{0.5} Na _{0.5} TiO ₃ materials via solid solution of NiTiO ₃	7		Applied Physic A/ 1432-0630. https://doi.org/10.1007/s00339-018-2002-x	ISI (1.784, Q2)	5	Vol. 588, pp. 1-7	8/2018
15	Magnetic properties of (1 - x)Bi _{0.5} Na _{0.5} TiO ₃ + xMnTiO ₃ materials	7		Journal of Magnetism and Magnetic Materials/ 1873-4766. https://doi.org/10.1016/j.jmmm.2018.09.087	ISI (2.683, Q2)	5	Vol. 471, pp.164- 168	10/2018
16	A Facile Synthesis, Characterization, and Photocatalytic Activity of Magnesium Ferrite Nanoparticles via the Solution Combustion Method	8		Journal of Chemistry/2090-9071. https://doi.org/10.1155/2019/3428681	ISI (2.683, Q2)	37	Vol. 2019, pp. 1-7,	3/2019

17	Tunable Magnetism of $\text{Na}_{0.5}\text{Bi}_{0.5}\text{TiO}_3$ Materials via Fe Defects	11		Journal of Superconductivity and Novel Magnetism/1557-1947. https://doi.org/10.1007/s10948-019-05163-z	ISI (1.44, Q3)	3	Vol. 32, pp. 3011–3018	6/2019
18	A simple route for electrochemical glucose sensing using background current subtraction of cyclic voltammetry technique	6	X	Journal of Electroanalytical Chemistry/ 1572-6657. https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2019.113323	ISI (3.807 Q1)	8	Vol. 848, pp. 113323	7/2019
19	Hấp phụ xanh metylen trong nước sử dụng vật liệu tổ hợp nano Fe_3O_4 /bentonit chế tạo bằng phương pháp hoạt hóa siêu âm	7		Tạp chí Hóa học/ 0866-7144			Tập 57(4e1, 2) 181-187	7/2019
20	Role of Co dopants on the structural, optical and magnetic properties of lead-free ferroelectric $\text{Na}_{0.5}\text{Bi}_{0.5}\text{TiO}_3$ materials	11		Journal of Science: Advanced Materials and Devices/ 2468-2179. https://doi.org/10.1016/j.samd.2019.08.007	ISI (3.783, Q1)	12	Vol. 4, pp. 584-590	8/2019
21	Structural, optical, and magnetic properties of a new system of $\text{Bi}(\text{Mn}_{0.5}\text{Ti}_{0.5})\text{O}_3$ -modified $\text{Bi}_{0.5}\text{Na}_{0.5}\text{TiO}_3$ materials	10		Materials Research Express/2053-1591. https://doi.org/10.1088/2053-1591/ab3ce0	ISI (1.95, Q2)	1	Vol. 4, pp. 584-590	10/2019
22	Effect of pH on the adsorption behaviour of Congo Red Dye on the Mg-Al layered double hydroxide	9		IOP Conf. Ser.: Mater. Sci. Eng. /1757-899X. https://doi.org/10.1088/1757-899X/736/2/022077	ISI (0.536)		Vol. 736, pp. 022077	2020
23	Defect-Mediated Room Temperature Ferromagnetism in Lead-Free Ferroelectric $\text{Na}_{0.5}\text{Bi}_{0.5}\text{TiO}_3$ Materials	10		Journal of Superconductivity and Novel Magnetism/1557-1947. https://doi.org/10.1007/s10948-019-05399-9	ISI (1.48, Q3)	3	Vol. 33, pp. 911–920	1/2020
24	Enhancing room-temperature ferromagnetism in $\text{Bi}_{0.5}\text{Na}_{0.5}\text{TiO}_3$ via FeTiO_3 solid solution	9		Journal of Electroceramics /1573-8663. https://doi.org/10.1007/s10832-020-00203-w	ISI (1.785, Q1)		Vol. 44, pp. 129–135	3/2020
25	Influenced of $\text{Bi}(\text{Ti}_{1/2}\text{Ni}_{1/2})\text{O}_3$ concentration on the structural, optical and magnetic properties of lead-free $\text{Bi}_{1/2}\text{Na}_{1/2}\text{TiO}_3$ materials	11		Vacuum/1879-2715. https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109306	ISI (3.63, Q1)	4	Vol. 177, pp. 109306	3/2020
26	Facile Synthesis of CuO/ITO Film Via the	5	X	Communications in Physics/2815-5947			Vol. 30, No. 2,	5/2020

	Chronoamperometric Electrodeposition for Nonenzymatic Glucose Sensing						pp. 161-170	
27	Experimental and theoretical studies on the room-temperature ferromagnetism in new (1-x)Bi _{1/2} Na _{1/2} TiO ₃ +xCoTiO ₃ solid solution materials	11		Vacuum/1879-2715. https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109551	ISI (3.63, Q1)	2	Vol. 179, pp.1095-51	6/2020
28	Study on the degradation for Rhodamine-B in water using Cu ²⁺ doped hydrotalcite compounds	3		TNU Journal of Science and Technology/ 2615-9562			Tập 225(13), pp. 3 - 10	8/2020
29	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp Mn ₃ O ₄ /graphen bằng phương pháp điện hóa plasma dưới sự hỗ trợ của siêu âm định hướng ứng dụng làm điện cực cho siêu tụ	9		Vietnam Journal of Chemistry/2572-8288			Tập 58(5E12), pp. 265-269	10/2020
30	Equilibrium, Kinetic and Thermodynamic Studies for Sorption of Phosphate from Aqueous Solutions Using ZnO Nanoparticles	6		Processes/ 2227-9717. https://doi.org/10.3390/pr8111397	ISI (3.04, Q2)	4	Vol. 8, pp.1397	11/2020
31	Communication—A Simple Empirical Method for Determination of CuOOH/CuO Redox Couple in Electrochemical Nonenzymatic Glucose Sensing	6	X	Journal of The Electrochemical Society/1945-7111. https://doi.org/10.1149/1945-7111/abdb02	ISI (4.386, Q1)	4	Vol. 168, pp.0175-06	1/2021
	Enhanced Photocatalytic Degradation of Rhodamine-B under Led Light Using CuZnAl Hydrotalcite Synthesized by Co-Precipitation Technique	7		Inorganic/2304-6740. https://doi.org/10.3390/inorganics10070089				6/2022
32	Study on methylene blue adsorption of activated carbon made from <i>Moringa oleifera</i> leaf	7		Materials Today: Proceedings. https://doi.org/10.1016/j.matpr.2020.10.834	Scopus		Vol. 38, pp. 3405–3413	3/2021
33	The role of copper nanoparticles decorating polydopamine/graphene film as catalyst in the enhancement of uric acid sensing	7		Journal of Electroanalytical Chemistry/1572-6657. https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2021.115322	ISI (4.21, Q1)	8	Vol. 893, pp. 115322	5/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

34	Glucose sensor using cyclic voltammetric method based on NiO/ITO electrode	4	X	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562			Tập 226(09): 79 – 86	5/2021
35	Design and characterization of a new $(1-x)\text{Na}_{1/2}\text{Bi}_{1/2}\text{TiO}_3+x\text{Bi}(\text{Ti}_{1/2}\text{Fe}_{1/2})\text{O}_3$ solid solution	8		Vacuum/1879-2715. https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109815	ISI (3.90, Q1)		Vol. 183, pp.1098-115	10/2021
36	Nghiên cứu tổng hợp và khảo sát tính chất điện hóa của vật liệu Graphene/MoS ₂ bằng phương pháp tổng trở	8		Nghiên cứu Khoa học và công nghệ quân sự/1859-1043			Số Đặc san Hội thảo Quốc gia FEE, pp.266-270	10/2021
37	Cảm biến formaldehyde phi enzyme sử dụng điện cực dựa trên vật liệu niken oxit chế tạo bằng phương pháp điện hóa	6	X	Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption. https://doi.org/10.51316/jca.2021.100			10 – special issue 1 103-107	10/2021
38	Ảnh hưởng của polyme siêu hấp thụ nước ASM-1 đến khả năng hấp thụ Cadimi của cỏ vetiver trồng trên đất ô nhiễm	9		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/0868-3224			Tập 26, Số 4B/2021	12/2021
39	Structural, optical, and magnetic properties of a new complex $(1-x)\text{Bi}_{1/2}\text{Na}_{1/2}\text{TiO}_3+x\text{MgNiO}_{3-\delta}$ solid solution system	8		Applied Physics A/1432-0630. https://doi.org/10.1007/s00339-021-05255-5	ISI (2.983, Q2)		Vol. 128 (2), pp. 129	2/2022
40	Magnetic Properties of a $(1-x)\text{Bi}0.5\text{Na}0.5\text{TiO}_3+x\text{CaNiO}_{3-\delta}$ Solid Solution System Prepared by Sol–Gel Technique	8		Journal of Electronic Materials/1543-186X. https://doi.org/10.1007/s11664-022-09457-2	ISI (2.047, Q3)		Vol. 51, pp. 1905–1921	2/2022
41	Determination of Glucose in Human Serum Using Background Subtraction of Cyclic Voltammetry of a Low Oxidation Peak at NiO Based Electrode	10	X	Journal of The Electrochemical Society/1945-7111. https://doi.org/10.1149/1945-7111/ac4e5a	ISI (4.371, Q1)	2	Vol. 169, pp. 027503	3/2022
42	Synthesis and Characterization of $(1-x)\text{Bi}_{1/2}\text{Na}_{1/2}\text{TiO}_3+x\text{SrNiO}_{3-\delta}$ Solid Solution System	8		Journal of Electronic Materials/1543-186X. https://doi.org/10.1007/s11664-022-09534-6	ISI (2.047, Q3)		Vol. 51, 2716–2731	3/2022

43	Enhanced Photocatalytic Degradation of Rhodamine-B under Led Light Using CuZnAl Hydrotalcite Synthesized by Co-Precipitation Technique	8		Inorganics/ 2304-6740. https://doi.org/10.3390/inorganics10070089	ISI (3.149, Q2)		Vol. 89, pp. 1-15	6/2022
44	A nonenzymatic uric acid sensor based on electrophoretically deposited Graphene/ITO electrode	10	X	Vietnam Journal of Chemistry/2572-8288. https://doi.org/10.1002/vjch.202200071	Scopus (0.74, Q3)		Vol. 60, pp. 60-65	7/2022
45	A one-stage sonocoprecipitation synthesis of porous Fe ₃ O ₄ /bentonite nanocomposite as an adsorbent for methylene blue removal in water	9		Vietnam Journal of Chemistry/2572-8288. https://doi.org/10.1002/vjch.202200062	Scopus (0.74, Q3)		Vol. 60, pp. 41-45	7/2022
46	Enhanced Adsorption, Photocatalytic Degradation Efficiency of Phenol Red Using CuZnAl Hydrotalcite Synthesized by Co-Precipitation Technique	7		Processes/ 2227-9717. https://doi.org/10.3390/pr10081555	ISI (3.352, Q2)		Vol. 10, pp.1555	8/2022
47	Combination of superabsorbent polymer and vetiver grass as a remedy for lead-polluted soil	8		Geography, Environment, Sustainability/2542-1565. https://doi.org/10.24057/2071-9388-2022-054	Scopus (0.323, Q3)		Vol. 1(16), pp.181-188	12/2022
48	Adsorption of direct red 79 in wastewater on Fe ₂ Fe _{1-x} MnXO ₄ (x = 0-1) nanoparticles prepared by coprecipitation method	3	X	Vietnam Journal of Science and Technology/ 2815-5874. https://doi.org/10.15625/2525-2518/17242	Scopus (Q4)		Vol. , pp. 61 (1) 91-107	1/2023
49	Nonenzymatic glucose sensor based on CuS/ITO electrode fabricated by electrophoresis method	1	X	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562			228(S2) : 54 - 61	3/2023
50	Application of multivariate standard addition method based on molecular absorption spectroscopy for simultaneous quantification of caffeine and theobromine in Vietnamese tea	4		TNU Journal of Science and Technology/2615-9562			228(S2) : 62 - 69	3/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 5 (gồm 3 bài ISI và 2 bài scopus).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: không

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Quốc Dũng